

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KENKOBI VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KENKOBI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KENKOBI VIETNAM PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KENKOBI

2. Mã số doanh nghiệp: 0110135779

3. Ngày thành lập: 03/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6, ngõ 46 Trần Quốc Hoàn, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0947895596

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
2.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
5.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4543
8.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa; (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633

13.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào	4634
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc;	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;	4659
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium); (Không bao gồm hoạt động kinh doanh vàng);	4662

22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
23.	Dịch vụ đóng gói	8292
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; - Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; - Ủy thác mua bán hàng hóa	8299
25.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
26.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
27.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
28.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
29.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
30.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
31.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sửa chữa xe đạp; - Sửa chữa quần áo; - Sửa chữa đồ trang sức; - Sửa chữa đồng hồ, dây, hộp đồng hồ...; - Sửa chữa dụng cụ thể dục thể thao (trừ súng thể thao);	9529
32.	Lập trình máy vi tính	6201
33.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
34.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm;	6209
35.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
36.	Cổng thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí);	6312
37.	Quảng cáo	7310
38.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Bán buôn tổng hợp	4690
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
45.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
46.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng; - Sản xuất súp và nước xút; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất phụ gia thực phẩm; Phôi trộn đóng gói phụ gia, hương liệu thực phẩm - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô nấm, nấm trùn thảo, đông trùng hạ thảo.	1079(Chính)
47.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
48.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
49.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
50.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
51.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
52.	Sản xuất giày, dép	1520
53.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

54.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, cụ thể: + Cán, tay cầm của dụng cụ, cán chổi, cán bàn chải; + Khuôn và nòng giày hoặc ủng, mắc áo; + Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ; + Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ; - Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện;	1629
55.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
56.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
57.	In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
58.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
59.	Sao chép bản ghi các loại	1820
60.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
61.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
62.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc;	2100
63.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic;	2220
64.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
65.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
66.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
67.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
68.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
69.	Sản xuất đồng hồ	2652
70.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
71.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
72.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
73.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
74.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
75.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
76.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
77.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
78.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
79.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

80.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
81.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
82.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
83.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
84.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
85.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
86.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
87.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
88.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
89.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
90.	Sản xuất máy luyện kim	2823
91.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
92.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
93.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
94.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
95.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
96.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
97.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá);	4791
98.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
100.	Chuyển phát Chi tiết: Đại lý dịch vụ chuyển phát;	5320
101.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
102.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
103.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
104.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
105.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet;	6190
106.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
107.	Cho thuê băng, đĩa video	7722

108.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Cho thuê tất cả các loại đồ dùng (cá nhân và gia đình) cho hộ gia đình sử dụng hoặc kinh doanh (trừ thiết bị thể thao và giải trí): - Đồ dệt, trang phục và giày dép; - Đồ đạc, gồm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; - Sách, tạp chí; - Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình.	7729
109.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730
110.	Đại lý du lịch	7911
111.	Điều hành tua du lịch	7912
112.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
113.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
114.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
115.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
116.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
117.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
118.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
119.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
120.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
121.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

122.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
123.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
124.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
125.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
126.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
127.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
128.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
129.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
130.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền;	4772

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN PHƯƠNG NGA	513 – A15 Tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	0011880035 62	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		
2	NGUYỄN THỊ LOAN	Thôn Thái Hòa, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	0151900000 97	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		

3	TRẦN THỦY ANH	110B – A8 Tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	315.000	3.150.000.000	35,000	001188014384	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	315.000	3.150.000.000	35,000		
4	NGUYỄN VĂN VINH	Thôn Thái Hòa, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	405.000	4.050.000.000	45,000	001188014384	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	405.000	4.050.000.000	45,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001089018451

Ngày cấp: 10/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Thái Hòa, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thái Hòa, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội